TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ÔngVõ Văn Vinh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Danh
Ông Tạ Dương Thắng
- **Thư ký phiên tòa**: Bà Đặng Tú Lệ, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành**: Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/6/2022;Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2022/QĐST- HNGĐ ngày 04/7/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
-*Bị đơn*: Bà Dương Kiều D, sinh năm 1994 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2020, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Quốc S trình bày:

Ông và bà D kết hôn năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian đầu ông S và bà D chung sống hòa thuận, hạnh phúc,đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, không quan tâm chia sẻ, thường xuyên cự cãi, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm sống.

Từ năm 2013, đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa.

Nay ông S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy ông S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông S khai vợ chồng có 01 con chung tên: Nguyễn Dương Bảo T, sinh ngày 22/12/2009.

Khi ly hôn, ông S đồng ý giao con chung tên: Nguyễn Dương Bảo T, sinh ngày 22/12/2009 cho bà D nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử xét áp dụngkhoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà.

[2]Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà D là quan hệ hợp pháp. Qua quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, được cha mẹ hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông S và bà D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông S xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung**:** Bà D có nguyện vọng được nuôi 01 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, bà D là người nuôi cháu Nguyễn Dương Bảo T từ nhỏ cũng như trong quá trình vợ chồng mâu thuẫn; và cũng tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2022 bà D có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Bảo T và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Cũng tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2022 cháu cháu Nguyễn Dương Bảo T nguyện vọng xin được ở với mẹ, nên Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà D, giao cháu: Nguyễn Dương Bảo T, sinh ngày 22/12/2009 cho bà Diễm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4]Về cấp dưỡng nuôi con:Bà Diễm không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí:Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án ông S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơnNguyễn Quốc S đối với bị đơn Dương Kiều D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", nguyên đơnNguyễn Quốc S được ly hôn với bị đơn Dương Kiều D; giao cho nguyên đơntrực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên: Nguyễn Dương Bảo T, sinh ngày 22/12/2009; bị đơn S không phải cấp dưỡng nuôi con.Tài sản chung, không có; nợ chung không có, không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228;khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc S.

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Quốc S được ly hôn với Dương Kiều D.

- *Về con chung*: Giao 01 con chung tên:Nguyễn Dương Bảo T, sinh ngày 22/12/2009; cho bà D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Ông S được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

-Về nợ chung:Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc S phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0003008, ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng; ông S đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- cơ quan đang ký kết hôn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Vinh